

Bản án số: **1052/2025/HS-PT**

Ngày 19 tháng 12 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Huy

Các Thẩm phán: Bà Đặng Mạnh Cẩm Yên

Bà Bùi Thị Thu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - *Thư ký Tòa án;*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Kiều Diễm - *Kiểm sát viên.*

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 879/2025/TLPT-HS ngày 07/11/2025 đối với các bị cáo Hà Sơn H, Nguyễn Thị Thanh D có kháng cáo của các bị cáo này đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2025/HSST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 11, thành phố Hà Nội.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. **Hà Sơn H**, sinh năm: 1979, ĐKKHKT: Thôn A, xã N, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp ổn định; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Hà Văn T (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị H1 (đã chết); Vợ Nguyễn Thị T1; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2010, Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/6/2025; Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại Tạm giam số 2 - Công an Thành phố H; *Có mặt.*

2. **Nguyễn Thị T1**, sinh năm: 1979, ĐKKHKT: Thôn A, xã N, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp ổn định, Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Huy S (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị L; Chồng: Hà Sơn H; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/6/2025 và được trả tự do tại phiên tòa ngày 29/9/2025; Hiện bị cáo đang tại ngoại; *Có mặt.*

*** Những người bào chữa cho các bị cáo Hà Sơn H, Nguyễn Thị T1:** Các luật sư Nguyễn Phó D1, Nguyễn Hồng H2, Công ty L2 và cộng sự; *Có mặt.*

*** Các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị:**

1. **Nguyễn Huy T2**, sinh năm: 1972, ĐKKHKT: Thôn T, xã N, Thành phố Hà Nội; Con ông: Nguyễn Huy S1; Con bà: Nguyễn Thị Bé H3 (đã chết); Vợ là Nguyễn Thị Thu H4; Con: Có 02 con.

2. **Nguyễn Thị Thu H4**, sinh năm: 1974, ĐKKHKT: Thôn T, xã N, Thành phố Hà Nội; Con ông: Nguyễn Văn M (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị D2; Chồng: Nguyễn Huy T2; Con: Có 02 con.

*** Bị hại không kháng cáo:**

- Anh **Lê Quang N**, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, TP. Hà Nội.

- Ông **Phạm Quốc V**, sinh năm 1975, Địa chỉ: Thôn V, xã T, TP. Hà Nội.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:**

- Ông **Nguyễn Tư T3**, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Thôn T, xã T, TP. Hà Nội.

- Ông **Vũ Duy K**, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn T, xã N, TP. Hà Nội.

(Các bị cáo T2, H4, các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 17/5/2012, vợ chồng Nguyễn Huy T2 và Nguyễn Thị Thu H4 thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 13, xã D, huyện T (nay là xã N, Thành phố Hà Nội), được cấp GCN số 5232213 ngày 22/11/2004, để vay Ngân hàng TMCP Q1 số tiền 2 tỷ đồng. Ngày 21/5/2012, T2 và H4 nhận đủ tiền và ký khế ước. Đến hạn, T2 và H4 không trả nên Ngân hàng khởi kiện. Ngày 29/11/2018, TAND huyện Thanh Trì tuyên buộc T2, H4 trả 3.677.994,777 đồng, nếu không trả thì xử lý tài sản đảm bảo. Sau khi Ngân hàng yêu cầu thi hành án, Chi cục THADS huyện T ra quyết định và ký hợp đồng bán đấu giá với Công ty T4. Anh Lê Quang N trúng đấu giá, được giao tài sản theo QĐ số 46 ngày 29/4/2021. Do T2, H4 không bàn giao, Chi cục THADS ra Quyết định cưỡng chế ngày 25/10/2021 và ngày 15/7/2022 đã cưỡng chế, bàn giao tài sản cho anh N. Sau đó H và T1 tiếp tục khiếu nại.

Ngày 01/10/2022, anh N cho Vũ Duy K thuê nhà đất, đồng thời thuê ông Nguyễn Tư T3 trông coi. Ngày 10/8/2023, H và T1 đến nhà, ném hồng 2 thùng nước yến của K, chửi bới, khóa cửa chiếm giữ, K trình báo Công an và tự phá khóa vào nhà.

Ngày 29/5/2023, Thanh tra Bộ Tư pháp kết luận Chi cục THADS có vi phạm trong bán đấu giá, yêu cầu khởi kiện hủy kết quả. Cơ quan CSĐT quận H đó ra QĐ số 473 ngày 24/11/2023 không khởi tố vụ án. Chi cục THADS rút đơn khởi kiện, TAND huyện Thanh Trì đình chỉ vụ án ngày 18/8/2024. H, T1 vẫn tiếp tục khiếu kiện, bàn bạc chiếm lại nhà.

Ngày 12/4/2024, khi ông T3 đi đổ rác, H và T1 giật chìa khóa, đuổi ông T3 ra khỏi nhà. T2 và H4 kê bàn ghế chặn cửa, đưa bàn thờ, tủ, thuốc và nhà, chiếm giữ căn nhà. Sau khi sự việc xảy ra, Công an xã D đến làm việc nhưng các đối tượng không hợp tác. Ngày 14/4/2024, khi anh K và N vào nhà, H4 chửi bới, ngăn cản, tiếp tục chiếm giữ đến 24/6/2025.

Tại CQĐT, anh N đã nộp 16 file video cho CQĐT, Giám định số 7140/KL-KTHS ngày 09/10/2024 kết luận không có dấu vết cắt ghép, nội dung âm thanh được chuyển văn bản, trích xuất hình ảnh đối tượng.

Ngày 13/6/2025, UBND xã D đã có công văn đề nghị cơ quan điều tra xem xét, xử lý Hàn Sơn H5, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Huy T2, Nguyễn Thị Thu H4 về việc xâm phạm chỗ ở của người khác đã gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội tại nơi cư trú. CQĐT đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Huy T2 tại thôn T, xã D, huyện T tạm giữ các tài sản gồm: 01 xe đạp nhãn hiệu Danzo màu đen đã qua sử dụng; 01 nồi cơm điện màu trắng nhãn hiệu Media đã qua sử dụng, 01 nồi điện nấu lẩu nhãn hiệu Diamond đã qua sử dụng; 01 nồi lẩu nhãn hiệu Mandeli đã qua sử dụng; 01 ấm siêu tốc nhãn hiệu Hiệp Hưng đã qua sử dụng, quần áo, chăn màn cũ đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định là tài sản của ông Nguyễn Tư T3 nên cơ quan điều tra đã trả cho ông T3. Sau khi nhận lại tài sản ông T3 không có yêu cầu đề nghị gì.

Vụ thứ hai: Ngày 10/5/2011, Hà Sơn H và Nguyễn Thị Thanh K1 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP B vay 6,8 tỷ đồng và thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 21, diện tích 100m², địa chỉ xã Đ, huyện T (Giấy chứng nhận số 5208383 cấp ngày 24/12/2004, sang tên cho H và T1 ngày 08/4/2011). Sau khi giải ngân, H và T1 chỉ trả lãi 5 tháng rồi ngưng. Ngân hàng khởi kiện, ngày 18/9/2018, TAND huyện Thanh Trì ra Bản án số 17/2018/KDTM buộc H, T1 trả 17.641.666.458 đồng, nếu không thì xử lý tài sản đảm bảo.

Ngày 26/6/2020, Chi cục T ra QĐ số 1152/QĐ thì hành án. Do không trả nợ, ngày 09/10/2020, Chi cục THADS ban hành quyết định cưỡng chế kê biên, ngày 11/01/2021 thông báo bán đấu giá. Ngày 18/3/2021, Phạm Quốc V trúng đấu giá nhà đất trên với giá 3.268.742.000 đồng. Ngày 06/4/2022, anh V và vụ được cấp GCN quyền sử dụng đất số DD 240640. Sau khi nhận bàn giao, anh Văn L1 thêm camera, cửa cuốn và khóa nhưng không ở tại nhà, chỉ thỉnh thoảng đến kiểm tra.

Ngày 21/4/2025, H và T1 đến chiếm nhà, nhờ ông Phạm Hữu Q cắt khóa cửa rồi vào nhà, thay cửa cuốn. Anh V đến ngăn cản, trình báo Công an xã Đ

nhưng H, T1 chửi bới, khóa cửa, không cho vào. Công an yêu cầu rời khỏi nhà nhưng họ không chấp hành. Tài sản thiệt hại gồm: 2 khóa Việt Tiệp, 1 khóa chủ, 1 khóa cửa cuốn bị khóa.

Ngày 09/6/2025, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Thửa đất trị giá 1.656.500.000 đồng, 02 khóa Việt Tiệp trị giá 140.000 đồng, khóa chữ U trị giá 100.000 đồng, chi phí sửa chữa thay thế khóa cuốn 100.000 đồng. Trong quá trình điều tra, anh V giao nộp 3 video và 11 ảnh liên quan đến vụ án. Ngày 22/5/2025, CQĐT trưng cầu giám định, ngày 24/6/2025 phòng K2 kết luận số 3545/KL-KTHS: 3 video không bị cắt ghép, âm thanh đã chuyển thành văn bản, trích xuất hình ảnh đối tượng, ảnh A4-A12 không bị chỉnh sửa, ảnh A13, A14 không xác định được do chụp từ màn hình.

Đối với Phạm Hữu Q, quá trình điều tra xác định Q chỉ giúp H cắt phá khóa của nhà anh V1 do tưởng rằng đó là nhà của H, không biết H và T1 đang xâm phạm chỗ ở của anh V1 nên CQĐT không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với tài sản là các lọ nước yến bị Hà Sơn H, Nguyễn Thị Thanh Đ hư hỏng vào ngày 10/8/2023, do anh Vũ Duy K không yêu cầu đề nghị xử lý trong vụ án này nên CQĐT không đề cập xử lý.

Anh Lê Quang N, anh Vũ Duy K, ông Nguyễn Tư T3, anh Phạm Quốc V không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

*** *Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2025/HSST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11, thành phố Hà Nội đã quyết định:***

- Tuyên bố các bị cáo: Hà Sơn H, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Huy T2 và Nguyễn Thị Thu H4 phạm tội “*Xâm phạm chỗ ở của người khác*”.

- Áp dụng: Điểm c, đ khoản 2 Điều 158; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 (đối với bị cáo H); Điều 65 Bộ luật Hình sự (đối với bị cáo T1);

- Xử phạt bị cáo Hà Sơn H 22 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2025; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 22 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 44 tháng kể từ ngày tuyên án và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa. Ngoài ra, bản án còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Huy T2, Nguyễn Thị Thu H4 và án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2025, các bị cáo Nguyễn Thị T1, Hà Sơn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị bản án sơ thẩm.

*** *Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Các bị cáo Hà Sơn H, Nguyễn Thị T1: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, khai như đã khai tại phiên tòa sơ thẩm và tại Cơ quan Điều tra. Các bị cáo công nhận bản án sơ thẩm kết án các bị cáo là đúng người, đúng tội, các bị cáo không oan, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: *Về tố tụng*: Kháng cáo của các bị cáo Hà Sơn H, Nguyễn Thị T1 là hợp lệ, cần được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. *Về nội dung*: Bản án sơ thẩm kết án các bị cáo Hà Sơn H, Nguyễn Thị T1 về tội “*Xâm phạm chỗ ở của người khác*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức hình phạt của bản án sơ thẩm xử phạt Hà Sơn H 22 tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 22 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 44 tháng là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi và nhân thân của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ gì khác. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hà Sơn H, Nguyễn Thị T1; Áp dụng: điểm c, d khoản 2 điều 158, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 (đối với bị cáo H), Điều 65 (đối với bị cáo T1) Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo: Hà Sơn H 22 tháng tù về tội “*Xâm phạm chỗ ở của người khác*”; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 22 tháng tù về tội “*Xâm phạm chỗ ở của người khác*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 44 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên không xét.

- Người bào chữa cho các bị cáo có ý kiến: Các bị cáo H, T1 là hai vợ chồng, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bị cáo H có em trai bị bệnh tâm thần đang phải điều trị, có ông nội là liệt sĩ, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho bị cáo H được hưởng án treo.

- Đối đáp với ý kiến bào chữa của luật sư, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Hành vi của các bị cáo H, T1 phạm tội nghiêm trọng, các bị cáo phạm tội nhiều lần nên không thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và ít nghiêm trọng như luật sư đề nghị; Tại cấp phúc thẩm các bị cáo có đơn xin bồi thường khắc phục hậu quả 2.000.000 đồng cho bị hại, nhưng thực tế cũng chưa bồi thường cho ai, chưa nộp tiền theo đơn trình bày, bản án sơ thẩm cũng không tuyên trách nhiệm bồi thường dân sự của các bị cáo, bản thân bị hại cũng không có yêu cầu về việc bồi thường. Vì vậy, các bị cáo không đủ điều kiện áp dụng các điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đề nghị của luật sư đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của các bị cáo Hà Sơn H, Nguyễn Thị T1 được làm trong thời

hạn luật định, đảm bảo về chủ thể kháng cáo theo Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai của các bị cáo Hà Sơn H, Nguyễn Thị T1 tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, trong quá trình điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian các ngày 10/8/2023, 12/4/2024, từ ngày 14/4/2024 đến ngày 24/6/2025, mặc dù đã được Công an xã D đã nhiều lần mời lên làm việc, giải thích nhưng Hà Sơn H, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Huy T2, Nguyễn Thị Thu H4 đã có hành vi đui trái pháp luật ông Nguyễn Tư T3, người được chủ sử dụng, sở hữu hợp pháp căn nhà là anh Lê Quang N thuê trông nom và ở căn nhà này, ra khỏi chỗ ở tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 13, xã D, huyện T (nay là xã N, thành phố Hà Nội) và chiếm dụng ngôi nhà bất hợp pháp, chửi bới những người có quyền sở hữu, trông coi, quản lý ngôi nhà. Ủy ban nhân xã D có văn bản đề nghị xem xét xử lý đối với hành vi của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Ngoài ra, ngày 21/4/2024, Hà Sơn H và Nguyễn Thị T1 có hành vi nhờ cắt khóa cửa và chiếm giữ bất hợp pháp đối với chỗ ở là nhà, đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 21, địa chỉ tại xã Đ, huyện T, TP ., thuộc sở hữu hợp pháp của vợ chồng anh Phạm Quốc V.

Hành vi trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm luật hình sự, xâm phạm quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của người khác, thể hiện sự coi thường pháp luật. Các bị cáo đều là những người có năng lực trách nhiệm hình sự, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo Hà Sơn H, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Huy T2, Nguyễn Thị Thu H4 về tội “*Xâm phạm chỗ ở của người khác*” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Hà Sơn H, Nguyễn Thị T1 có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ mức hình phạt, bị cáo H xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Trong vụ án này, các bị cáo Hà Sơn H, Nguyễn Thị T1 phạm tội nghiêm trọng. Khi xét xử đối với các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo H có thân nhân là Liệt sỹ đồng thời phân hóa vai trò của từng bị cáo để áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất,

mức độ phạm tội của từng bị cáo. Xét thấy, bị cáo H là người giữ vai trò chính, thực hành tích cực nên phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc hơn; bị cáo T1 là người đồng phạm có vai trò thấp hơn nên được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm c, đ khoản 2 điều 158, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 (đối với bị cáo H), Điều 65 (đối với bị cáo T1) Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo: Hà Sơn H 22 tháng tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 22 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 44 tháng là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và nhân thân của các bị cáo.

Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xuất trình Đơn xin khắc phục hậu quả (2.000.000 đồng), tài liệu thể hiện bị cáo H có em trai bị khuyết tật phải điều trị tại Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội, nhưng xét thấy các bị cáo phạm tội nhiều lần, chính quyền địa phương đã yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật nhưng các bị cáo vẫn không chấp hành, cố ý xâm phạm chỗ ở của người khác, hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, mức hình phạt của bản án sơ thẩm là phù hợp. Vì vậy cần giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo H, T1 về việc xin giảm nhẹ hình phạt và kháng cáo của bị cáo H về việc xin hưởng án treo, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo H, T1.

[2.3] Về các nội dung khác:

Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hà Sơn H, Nguyễn Thị T1 về việc xin giảm nhẹ hình phạt và kháng cáo của bị cáo H về việc xin được hưởng án treo; Giữ nguyên các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2025/HSST ngày 29 tháng 9 tháng 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11, thành phố Hà Nội về phần hình phạt đối với các bị cáo Hà Sơn H, Nguyễn Thị T1, cụ thể như sau:

- **Áp dụng:** các điểm c, đ khoản 2 Điều 158; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hà Sơn H, Nguyễn Thị T1.

- **Áp dụng:** Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Sơn H; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T1.

+ **Xử phạt bị cáo: Hà Sơn H (hai mươi hai) tháng tù** về tội “*Xâm phạm chỗ ở của người khác*”. Thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2025.

+ **Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị T1 22 (hai mươi hai) tháng tù** về tội “*Xâm phạm chỗ ở của người khác*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 44 (bốn mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị T1 cho Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. *Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Hà Sơn H, Nguyễn Thị T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tối cao (vụ 1);
- VKSND tối cao;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- TAND Khu vực 11, thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 11, thành phố Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 11, thành phố Hà Nội;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Vũ Quang Huy